

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 101 /GPMT-UBND

Tiền Giang, ngày 23 tháng 5 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 2 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Xét Văn bản số 3065/UBND-CN ngày 21 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Cái Bè về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án Trường trung học cơ sở Mỹ Hội và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 2649/TTr-SNN&MT ngày 21 tháng 5 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Ủy ban nhân dân huyện Cái Bè (chủ đầu tư dự án), địa chỉ: Khu 1B thị trấn Cái Bè, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường dự án đầu tư Trường Trung học cơ sở Mỹ Hội tại xã Mỹ Hội, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

a) Tên dự án đầu tư: Trường trung học cơ sở Mỹ Hội.

b) Địa điểm hoạt động: xã Mỹ Hội, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

c) Quyết định phê duyệt dự án: Quyết định số 3296/QĐ-UBND ngày 27/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang phê duyệt dự án Trường Trung học cơ sở Mỹ Hội.

c) Loại hình hoạt động: cơ sở giáo dục.

d) Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Dự án đầu tư thuộc nhóm B có cấu phần xây dựng được phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công, tổng mức đầu tư 57.639.214.265 đồng.

- Công suất: quy mô đào tạo 750 học sinh.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường

a) Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

b) Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

c) Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ủy ban nhân dân huyện Cái Bè được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Ủy ban nhân dân huyện Cái Bè có trách nhiệm:

a) Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

b) Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

c) Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

d) Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

e) Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép 10 năm (kể từ ngày ký quyết định cấp phép).

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật. / *men*

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND huyện Cái Bè;
- Ban QLDA và PTQĐ huyện Cái Bè;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- VPUB: CVP, các PCVP,
Các Phòng nghiên cứu;
- Lưu: VT, Nguyên. *3 h*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN *Men*
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Văn Trọng

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM,
XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 101 /GPMT-UBND
ngày 23 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của học sinh và giáo viên.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

a) Nguồn tiếp nhận nước thải: vị trí xả thải vào rạch Đui Tre phía Bắc công trình.

b) Vị trí xả nước thải: xã Mỹ Hội, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Tọa độ vị trí xả nước thải: X(m) = 1.150.300,508 m; Y(m) = 530.228,083 m (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105⁰45', múi chiều 3⁰).

c) Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 15 m³/ngày đêm.

- Phương thức xả nước thải: Nước thải sau xử lý sẽ theo đường ống thoát nước thải vào hồ giám sát nước thải rồi tự chảy ra rạch Đui Tre phía Bắc công trình.

- Chế độ xả nước thải: liên tục (24 giờ).

- Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT cột A với K=1,2 - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 14:2008/BTNMT cột A với K=1,2	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	5-9	Không thuộc đối tượng
2	BOD ₅	mg/l	36	
3	TSS	mg/l	60	
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	600	
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1,2	
6	Nitrat	mg/l	36	

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 14:2008/BTNMT cột A với K=1,2	Tần suất quan trắc định kỳ
7	Amoni	mg/l	6	
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	12	
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	6	
10	Photphat	mg/l	7,2	
11	Tổng Coliform	MPN/100ml	3.000	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

a) Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt bao gồm nước rửa chân tay của học sinh, giáo viên (1) và nước thải từ WC → Bể tự hoại → (2).

b) Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải (1), (2) → Song chắn rác → Hố thu gom → Bể điều lưu → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí kết hợp MBR → Nước thải sau xử lý → Hố giám sát → Xả ra rạch Đui Tre.

- Công suất thiết kế: 15 m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH, Clorine, hóa chất rửa màng (NaOCl, axit oxalic).

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

a) Thời gian vận hành thử nghiệm:

- Thời gian bắt đầu vận hành thử nghiệm dự kiến: 01/09/2027.

- Thời gian kết thúc vận hành dự kiến: 01/12/2027.

b) Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: hệ thống xử lý nước thải, công suất 15 m³/ngày/đêm.

- Vị trí lấy mẫu: X(m) = 1.150.300,508 m; Y(m) = 530.228,083 m (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiếu 3°).

- Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

STT	Chỉ tiêu so sánh	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 14:2008/BTNMT cột A với K=1,2
1	pH	-	5-9
2	BOD ₅	mg/l	36
3	TSS	mg/l	60
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	600
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1,2
6	Nitrat	mg/l	36
7	Amoni	mg/l	6
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	12
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	6
10	Photphat	mg/l	7,2
11	Tổng Coliform	MPN/ 100ml	3.000

c) Tần suất lấy mẫu: thực hiện theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

- Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 6 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

- Trường hợp xả thải vào công trình thủy lợi nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu tới chất lượng nước trong công trình thủy lợi, chủ dự án đầu tư phải báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng quản lý công trình thủy lợi.

- Ủy ban nhân dân huyện Cái Bè chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường./.

Phụ lục 2
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số **101** /GPMT-UBND
ngày **23** tháng **5** năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chứng loại, khối lượng chất thải phát sinh

a) Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên

STT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã CTNH	Số lượng (kg/năm)
1	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện (khác với các loại nêu tại mã 16 01 06, 16 01 07, 16 01 12) có các linh kiện điện tử (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại vượt ngưỡng NH)	Rắn	16 01 13	3
2	Pin, ắc quy thải	Rắn	16 01 12	3
3	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	Rắn/Lỏng	13 01 01	Rắn: 3 kg Lỏng: 2L
Tổng				Rắn: 9 kg Lỏng: 2L

b) Khối lượng, chủng loại chất thải phải kiểm soát phát sinh thường xuyên

STT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã CTNH	Số lượng (kg/năm)
1	Sơn, mực, chất kết dính và nhựa thải có các thành phần nguy hại	Rắn	16 01 09	4
2	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	18 01 01	4
3	Hoá chất và hỗn hợp hoá chất phòng thí nghiệm thải có các thành phần nguy hại	Lỏng	19 05 02	150

STT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã CTNH	Số lượng (kg/năm)
4	Các loại chất thải khác có các thành phần nguy hại	Lỏng	12 02 06	288
Tổng				Rắn: 8kg Lỏng: 438L

c) Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh gồm: giấy, bao bì giấy thải bỏ, bao bì nhựa (đã chứa chất khi thải ra không phải là CTNH) thải, bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải, ... khối lượng khoảng 845 kg/năm.

d) Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt: khoảng 71,813 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt (CTSH), chất thải rắn công nghiệp thông thường (CTRTT), chất thải nguy hại

a) Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Thiết bị lưu chứa: bố trí 04 thùng rác thể tích 60 lít để lưu giữ chất thải nguy hại.

- Kho lưu chứa trong nhà:

+ Diện tích kho lưu chứa: 04 m².

+ Thiết kế, cấu tạo của kho: nền tráng xi măng, có mái che, bên ngoài có biển cảnh báo.

- Kho lưu chứa, thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại phải đảm bảo quy định tại khoản 2, 3 Điều 36 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

b) Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải phải kiểm soát

- Thiết bị lưu chứa:

+ Chất thải rắn phải kiểm soát: bố trí 02 thùng rác thể tích 60 lít để lưu giữ chất thải;

+ Chất thải lỏng phải kiểm soát: bố trí 02 thùng chuyên dụng thể tích 220 lít để lưu giữ chất thải;

- Kho lưu chứa trong nhà:

+ Diện tích kho lưu chứa chất thải phải kiểm soát: 04 m²

+ Thiết kế, cấu tạo của kho: nền tráng xi măng, có mái che, bên ngoài có biển cảnh báo.

c) Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Thiết bị lưu chứa: bố trí 02 thùng rác thể tích 240 lít để lưu giữ chất thải rắn thông thường.

- Kho lưu chứa trong nhà:

- + Diện tích kho lưu chứa: 02 m².

- + Thiết kế, cấu tạo của kho: nền tráng xi măng, có mái che, bên ngoài có bảng hiệu.

- Kho lưu chứa, thiết bị lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường phải đảm bảo quy định tại Điều 33 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

d) Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa:

- + Bố trí 04 thùng chứa rác có nắp đậy có dung tích 60 lít tại các tầng

- + Trong khu vệ sinh sẽ bố trí thùng rác có nắp đậy có dung tích khoảng 60 lít/khu vệ sinh;

- + Tại các khu vực đường nội bộ, sân bãi: bố trí các thùng chứa rác có nắp đậy có dung tích khoảng 60 lít dọc các tuyến đường, sân bãi với khoảng cách khoảng 50 m/thùng để thu gom chất thải.

- + Bố trí 04 thùng loại 240 lít để tập kết chất thải rắn sinh hoạt cuối ngày.

- Kho lưu chứa:

- + Diện tích kho lưu chứa: 02 m².

- + Thiết kế, cấu tạo của kho: nền tráng xi măng, có mái che, bên ngoài có bảng hiệu.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Đảm an toàn và thực hiện đúng các quy định phòng cháy chữa cháy và các quy định có liên quan.

- Sự cố hệ thống xử lý nước thải: sử dụng các nguyên liệu có độ bền cao và chống ăn mòn, trang bị các máy móc dự phòng như máy bơm, máy thổi khí... nhằm đảm bảo hệ thống xử lý hoạt động liên tục. Nhân viên vận hành xử lý nước thải được tập huấn về chương trình vận hành và bảo dưỡng của hệ thống. Tuân thủ nghiêm ngặt chương trình vận hành và bảo dưỡng được thiết lập cho

hệ thống xử lý nước thải. Trong trường hợp hệ thống xử lý gặp sự cố và ngưng hoạt động: nước thải được lưu lại tại hệ thống thu gom, các bể của hệ thống xử lý nước thải (thời gian lưu nước 01 ngày), khẩn trương xác định rõ nguyên nhân, tiến hành sửa chữa từng đơn nguyên một để tiếp tục vận hành hệ thống. Trường hợp thời gian sửa chữa kéo dài vượt quá khả năng lưu chứa tại bể điều hòa, chủ dự án sẽ phối hợp với đơn vị có chức năng để xử lý theo đúng quy định. Cam kết thực hiện đúng các quy định tại Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường./.

